

Số: 742 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM

Số: 113
ĐẾN Ngày: 26/3/19
Chuyên: BCL

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

27/3
LUB
Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính và phòng thử nghiệm tại thành phố Hồ Chí Minh: Số 02 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.38295087 - Fax: 028.39115119. Email: casehcm@case.vn;

Địa chỉ phòng thử nghiệm tại thành phố Cần Thơ: F2 - 67, F2 - 68, đường số 6, KDC 586, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0292.3918217 - Fax: 0292.3918219. Email: support@case.com.vn;

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học** (các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 168/TN – TĐC.

3. Giấy chứng nhận cấp lần thứ 6 có hiệu lực đến ngày 29/01/2023. /kg

Nơi nhận:

- Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm TP.Hồ Chí Minh và Phòng thử nghiệm tại TP.Cần Thơ;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

T. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 742/TĐC - HCHQ ngày 21 / 3 / 2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Nước và nước đá, đất, bùn, chất thải rắn	Xác định hàm lượng Cyanide tổng và Cyanide hoạt động	CASE.TN.0108 (Ref. EPA 9010C; 9013 & 9014; TCVN 6181-1996 (ISO 6703/1:1984 (E)))
2.	Quặng khoáng vô cơ, Silicate, đất, phân bón	Xác định hàm lượng các oxide: Na ₂ O, K ₂ O, CaO, MgO, Al ₂ O ₃ , Fe ₂ O ₃ , TiO ₂ , Cr ₂ O ₃ , P ₂ O ₅ , MnO, BaO, SrO, ZrO ₂ , V ₂ O ₅ , CdO, PbO, ZnO, CoO, CuO, NiO, As ₂ O ₅ , SO ₃ , Li ₂ O	CASE.TN.0113 (Ref. TCVN 7370 - 1:2004)
3.	Hóa chất, chế phẩm sinh học, phụ gia thực phẩm	Xác định hàm lượng các chất oxy hóa khử (Clo hoạt động, Cu ²⁺ , Fe ³⁺ , Cr ⁶⁺ , NaHSO ₃ , Na ₂ S ₂ O ₅ , Formalin ...)	CASE.TN 0118 (Ref. ASTM D2022; Ref. BP 2013; Ref. TCVN 7764-1:2007, Ref. TCVN 7764-2:2007, Ref. EP, Ref. USP, Ref. FAO food and nutrition paper 52/1 - 2 ...)
4.	Dược và nguyên liệu dược, sản phẩm y tế khác	Xác định hàm lượng kim loại (tạp chất)	CASE.TN.0144 (Ref. USP 38, USP 40, USP 41-Chapter (232), (233))
5.		Xác định hàm lượng các nguyên tố hòa tan trong nước và trong acid	CASE.TN.0145 (Ref ĐĐVN IV; BP; EP; USP)
6.		Xác định hàm lượng kim loại	CASE.TN.0150